

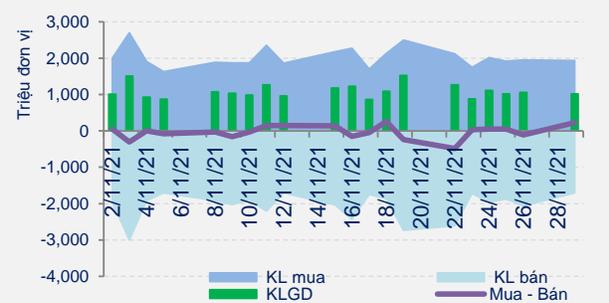
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/11/2021

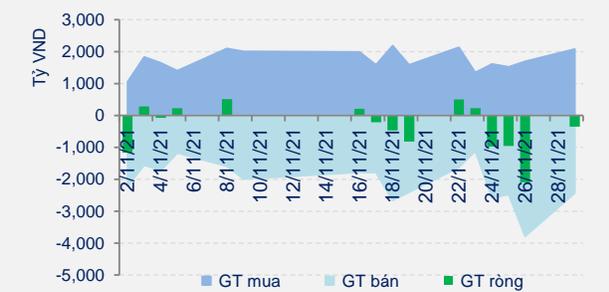
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,484.84	460.58
% Thay đổi	↓ -0.55%	↑ 0.43%
KLGD (CP)	1,012,516,709	163,606,567
GTGD (tỷ đồng)	31,591.78	4,838.56
Tổng cung (CP)	1,705,523,200	178,548,300
Tổng cầu (CP)	1,931,329,000	185,547,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	55,705,700	5,469,066
KL mua (CP)	52,275,600	608,302
GT mua (tỷ đồng)	2,083.61	17.83
GT bán (tỷ đồng)	2,434.32	227.92
GT ròng (tỷ đồng)	(350.71)	(210.10)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.97%	24.6	3.9	1.3%
Công nghiệp	↑ 1.09%	24.3	3.4	13.4%
Dầu khí	↓ -3.08%	18.7	2.0	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -2.33%	-	6.5	2.8%
Dược phẩm và Y tế	↑ 2.80%	17.8	2.6	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.45%	23.3	4.1	9.0%
Ngân hàng	↓ -2.33%	12.4	2.5	19.8%
Nguyên vật liệu	↓ -0.83%	11.6	2.7	12.4%
Tài chính	↑ 2.02%	20.6	3.6	36.7%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.71%	16.4	2.7	1.6%
VN - Index	↓ -0.55%	17.7	3.0	
HNX - Index	↑ 0.43%	25.2	5.1	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản suy giảm. Cụ thể, VN-Index giảm 8,19 điểm (-0,55%) xuống 1.484,84 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 227 mã tăng, 38 mã tham chiếu, 296 mã giảm. HNX-Index tăng 1,95 điểm (+0,43%) lên 460,58 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 125 mã tăng, 46 mã tham chiếu, 146 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.146 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 34.655 tỷ đồng. Các cổ phiếu vốn hoá lớn thuộc nhóm VN30 (-0,86%) giao dịch tiêu cực với 26/30 mã giảm đã tạo nên áp lực điều chỉnh lên thị trường, có thể kể đến các cổ phiếu như VCB (-3,7%), VJC (-3,5%), PLX (-3,3%), PNJ (-3,3%), MSN (-3,2%), STB (-3,1%), TCB (-3,1%), MWG (-2,8%)... Ở chiều ngược lại, bộ đôi VIC (+6,9%) tăng trần và VHM (+1,8%) tăng mạnh giúp thu hẹp 8,4 điểm trong mức giảm trên VN-Index. Nhóm cổ phiếu bất động sản hồi phục mạnh với hàng loạt mã tăng trần như PVL (+9,9%), KHG (+7%), DXG (+7%), OGC (+7%), CRE (+6,9%), LGL (+6,9%), HAG (+6,9%), CII (+6,9%), TDH (+6,9%), SCR (+6,9%), DRH (+6,8%)... Cổ phiếu chứng khoán tiếp tục có một phiên giao dịch tích cực với hàng loạt mã tăng, có thể kể đến SSI (+3,4%), VIX (+6,9%), VND (+2,4%), HCM (+1%), APS (+3,5%)... Cổ phiếu dược phẩm và y tế cũng giao dịch tích cực với hàng loạt mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần như AMV (+9,3%), TNH (+6,9%), DVN (+14,9%), DCL (+4%), DBD (+4%), JVC (+6,9%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (-0,55%) test vùng hỗ trợ 1.465-1.470 điểm (MA20) thành công trong phiên đầu tuần khi hồi phục khá tốt để thu hẹp mức giảm của thị trường. Thanh khoản cũng suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đang di chuyển trong sóng tăng 5 và với diễn biến phiên hôm nay thì khả năng hồi phục để lấy lại ngưỡng 1.500 điểm là có thể xảy ra trong các phiên tới. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 30/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng dần đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại hỗ trợ 1.465-1.470 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và mua thêm khi thị trường test hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm đã chốt lời một phần danh mục trong tuần trước nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải trong tuần này.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.464,83 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 8,19 điểm (-0,55%) xuống 1.484,84 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 3.900 đồng, TCB giảm 1.700 đồng, MSN giảm 5.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC tăng 6.800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm vào đầu phiên sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 449,33 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh với mức cao nhất trong phiên tại 464,4 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,95 điểm (+0,43%) lên 460,58 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 3.600 đồng, CEO tăng 2.500 đồng, IDJ tăng 2.500 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB giảm 800 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 352,41 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,2 triệu đơn vị. HCM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 194,8 tỷ đồng tương ứng với 4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VPB với 121,2 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã được mua ròng nhiều nhất với 157 tỷ đồng tương ứng với 4,6 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 209,62 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,9 triệu cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 197,1 tỷ đồng tương ứng với 4,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là IVS với 8,8 tỷ đồng tương ứng với 457 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,1 tỷ đồng tương ứng với 58,5 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần với khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh và hiện tượng bán tháo đã không diễn ra trên thị trường.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên điều chỉnh vào đầu tuần thì chỉ số VN-Index (-0,55%) đã test thành công vùng hỗ trợ gần nhất 1.465-1.470 điểm (MA20) và bật lên khá tốt nên xu hướng tăng thuộc sóng 5 của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi và khả năng để VN-Index hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong các phiên tới là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại những hỗ trợ gần nhất lần lượt là 1.465-1.470 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 30/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng dần đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

CPI tháng 11 tăng 0.32% so với tháng trước

Giá xăng dầu, giá gas tăng theo giá nhiên liệu thế giới; các địa phương dần trở lại với trạng thái “bình thường mới” khiến giá hàng hóa và dịch vụ có xu hướng tăng là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2021 tăng 0.32% so với tháng trước và tăng 2.1% so với tháng 11/2020. Tính chung 11 tháng năm 2021, CPI tăng 1.84% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.



TIN TRONG NƯỚC

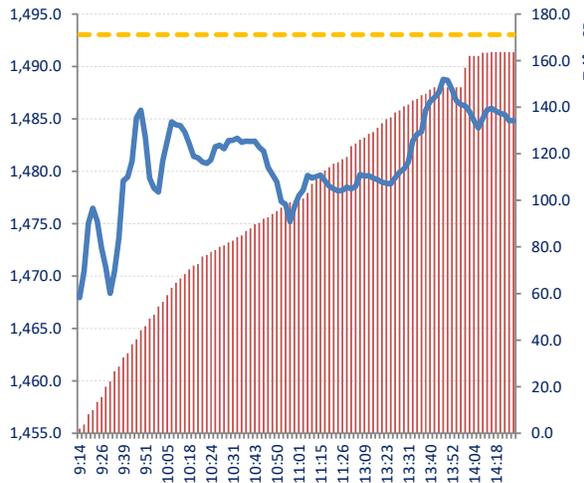
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59,9 - 60,6 triệu đồng/lượng, giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 250.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 2 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 29/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.143 VND/USD, giảm 2 đồng so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

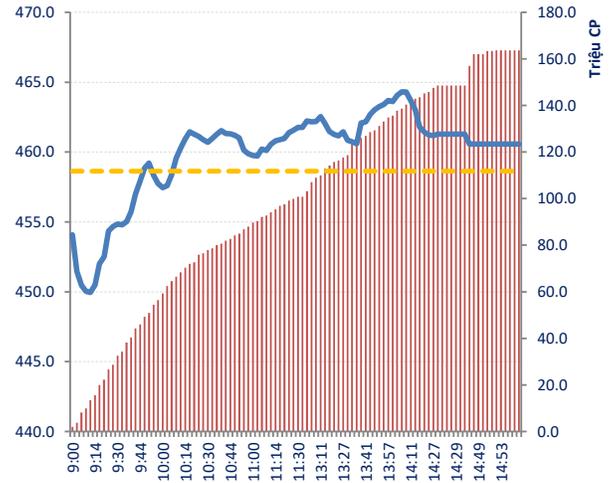
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 12,05 USD/ounce tương ứng với 0,68% lên 1.800,4 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,096 điểm tương ứng 0,1% lên 96,205 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1284 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3348 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,38 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 3,17 USD/thùng tương ứng với 4,59% lên 71,36 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 26/11, Dow Jones giảm 905,04 điểm tương đương 2,53% xuống 34.899,34 điểm. Nasdaq giảm 353,57 điểm tương đương 2,23% xuống 15.491,66 điểm. Nasdaq Composite giảm 106,84 điểm tương đương 2,27% xuống 4.594,62 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



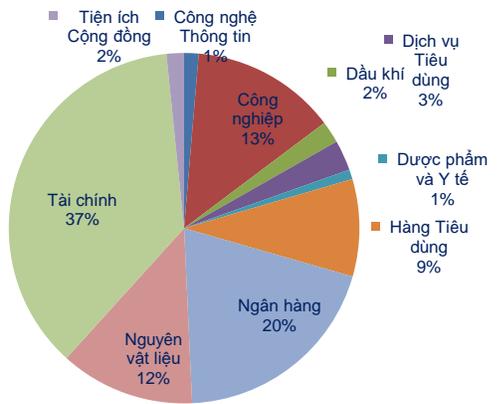
KLGD và HNX-Index trong phiên



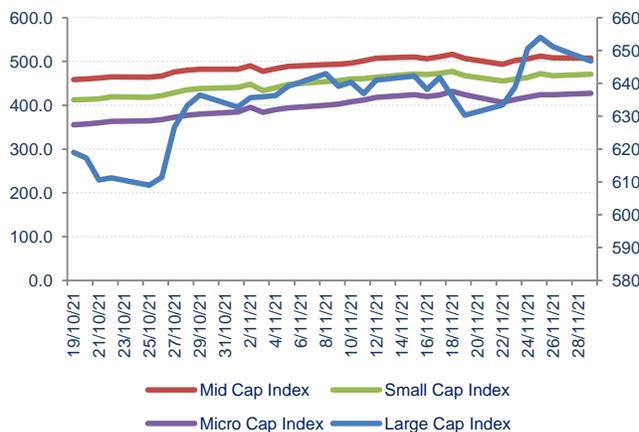
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



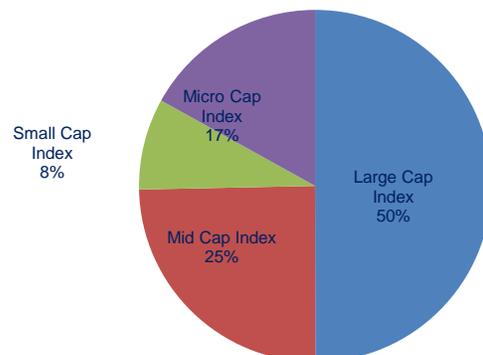
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	4,599,400	HCM	3,982,500
2	STB	1,882,500	VPB	3,149,700
3	VRE	1,654,700	TCH	3,126,500
4	FUEVFNND	990,500	HDB	2,654,500
5	HVN	968,100	E1VFN30	1,416,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DST	93,600	CEO	4,478,040
2	TVD	65,600	IVS	457,100
3	SHS	58,515	PVL	71,500
4	KVC	42,500	DHT	45,200
5	CMS	30,700	BVS	21,815

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	30.85	29.90	↓ -3.08%	38,634,400
ITA	12.10	12.90	↑ 6.61%	32,144,900
SSI	53.50	55.30	↑ 3.36%	29,749,300
TCB	54.00	52.30	↓ -3.15%	28,236,300
VPB	39.20	38.40	↓ -2.04%	25,574,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	54.20	54.60	↑ 0.74%	22,675,315
HUT	14.90	15.20	↑ 2.01%	15,327,465
CEO	42.50	45.00	↑ 5.88%	10,762,294
PVS	25.40	24.80	↓ -2.36%	8,649,703
NDN	24.70	22.60	↓ -8.50%	7,540,348

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SPM	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
KHG	19.30	20.65	1.35	↑ 6.99%
DXG	28.60	30.60	2.00	↑ 6.99%
OGC	8.30	8.88	0.58	↑ 6.99%
LCG	20.05	21.45	1.40	↑ 6.98%

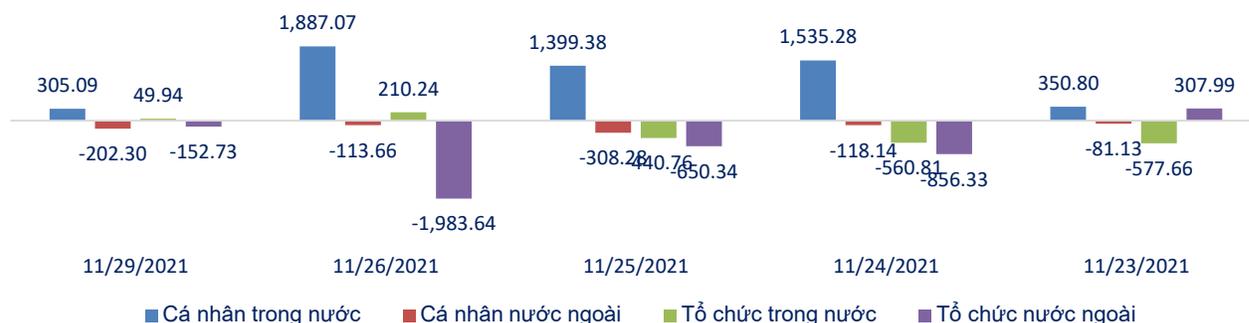
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	28.00	30.80	2.80	↑ 10.00%
V12	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%
PVL	20.30	22.30	2.00	↑ 9.85%
LDP	20.30	22.30	2.00	↑ 9.85%
VTZ	16.30	17.90	1.60	↑ 9.82%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	30.25	28.15	-2.10	↓ -6.94%
TNI	13.70	12.75	-0.95	↓ -6.93%
SJF	24.10	22.45	-1.65	↓ -6.85%
SC5	23.35	21.80	-1.55	↓ -6.64%
SSC	43.30	40.65	-2.65	↓ -6.12%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	79.20	71.30	-7.90	↓ -9.97%
VIE	10.10	9.10	-1.00	↓ -9.90%
VNC	36.50	32.90	-3.60	↓ -9.86%
KST	34.60	31.20	-3.40	↓ -9.83%
CMC	17.60	15.90	-1.70	↓ -9.66%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	196.76	19.2%	2,725	17.9	3.1
VPB	148.18	21.2%	2,772	14.1	2.8
MSN	114.02	8.4%	2,032	77.5	5.7
HDB	83.81	20.7%	2,813	11.1	2.1
TCH	72.99	5.6%	1,247	18.8	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-152.02	18.1%	3,439	10.0	1.7
MWG	-66.12	24.6%	6,071	23.3	5.4
VIC	-65.80	2.9%	1,111	88.7	2.3
TCB	-59.37	21.3%	4,965	10.9	2.1
VHM	-46.09	38.3%	8,968	9.3	3.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	10.11	13.1%	1,967	7.7	1.1
HPG	9.46	44.7%	7,085	6.9	2.6
ROS	4.52	3.1%	324	21.1	0.6
TMS	4.41	18.0%	5,178	17.3	3.2
VND	3.75	34.3%	4,876	16.0	3.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-101.95	19.2%	2,725	17.9	3.1
SSI	-41.84	16.5%	2,056	26.0	3.1
HDB	-28.58	20.7%	2,813	11.1	2.1
MBB	-13.77	20.3%	2,943	10.3	1.9
PNJ	-13.64	18.0%	4,420	23.0	4.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	66.12	24.6%	6,071	23.3	5.4
TCB	59.37	21.3%	4,965	10.9	2.1
PNJ	42.97	18.0%	4,420	23.0	4.2
VIX	41.65	37.3%	4,251	7.9	2.0
E1VFN30	37.25	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-64.51	11.1%	1,864	16.5	1.7
MSN	-50.48	8.4%	2,032	77.5	5.7
GAB	-37.81	1.1%	130	1,506.1	16.6
FUEVFVND	-30.69	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	-26.71	21.2%	2,772	14.1	2.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	159.49	18.1%	3,439	10.0	1.7
STB	56.25	11.1%	1,864	16.5	1.7
VRE	47.73	7.2%	954	31.9	2.3
SSI	38.14	16.5%	2,056	26.0	3.1
VIC	37.24	2.9%	1,111	88.7	2.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-121.47	21.2%	2,772	14.1	2.8
HCM	-92.83	19.2%	2,725	17.9	3.1
PNJ	-82.86	18.0%	4,420	23.0	4.2
TCH	-72.76	5.6%	1,247	18.8	1.2
MSN	-63.73	8.4%	2,032	77.5	5.7



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	38,634,400	11.1%	1,864	16.5	1.7
ITA	32,144,900	3250.0%	174	69.7	1.0
SSI	29,749,300	16.5%	2,056	26.0	3.1
TCB	28,236,300	21.3%	4,965	10.9	2.1
VPB	25,574,800	21.2%	2,772	14.1	2.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	22,675,315	25.5%	3,221	16.8	2.6
HUT	15,327,465	-9.9%	(1,066)	-	1.4
CEO	10,762,294	-4.7%	(606)	-	3.4
PVS	8,649,703	4.6%	1,238	20.5	0.9
NDN	7,540,348	28.9%	3,986	6.2	1.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SPM	↑ 7.0%	2.0%	1,143	17.5	0.4
KHG	↑ 7.0%	6.4%	678	28.5	1.6
DXG	↑ 7.0%	7.5%	1,406	20.3	1.3
OGC	↑ 7.0%	8.3%	344	24.1	2.0
LCG	↑ 7.0%	15.3%	2,220	9.0	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDG	↑ 10.0%	3.8%	1,900	14.7	0.7
V12	↑ 9.9%	10.0%	1,498	10.1	1.0
PVL	↑ 9.9%	9.9%	475	42.8	4.0
LDP	↑ 9.9%	-19.8%	(1,676)	-	2.6
VTZ	↑ 9.8%	0.0%	-	-	-

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	4,599,400	18.1%	3,439	10.0	1.7
STB	1,882,500	11.1%	1,864	16.5	1.7
VRE	1,654,700	7.2%	954	31.9	2.3
UEVFN	990,500	N/A	N/A	N/A	N/A
HVN	968,100	-463.6%	(7,569)	-	-

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DST	93,600	2.1%	211	34.1	0.7
TVD	65,600	11.7%	1,298	11.0	1.3
SHS	58,515	25.5%	3,221	16.8	2.6
KVC	42,500	-7.3%	(748)	-	0.6
CMS	30,700	-4.0%	(541)	-	1.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	389,432	20.4%	5,696	18.4	3.6
VIC	374,814	2.9%	1,111	88.7	2.3
VHM	362,719	38.3%	8,968	9.3	3.0
HPG	219,397	44.7%	7,085	6.9	2.6
GAS	195,223	16.9%	4,384	23.3	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	86,800	25.2%	4,694	52.8	15.0
IDC	24,000	11.8%	1,805	44.3	5.1
KSF	21,300	8.8%	767	92.5	3.6
VCS	19,408	41.5%	11,163	10.9	4.1
BAB	18,678	8.6%	979	25.3	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.31	2.1%	292	75.1	1.6
ANV	2.29	6.7%	1,265	27.8	1.9
VOS	2.23	54.5%	2,573	7.5	3.0
FTS	2.14	22.7%	3,582	20.7	4.2
IJC	2.10	23.5%	3,643	8.2	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	2.71	4.5%	683	79.8	3.9
VHE	2.54	0.6%	68	146.1	0.9
TTL	2.48	2.3%	324	48.7	1.1
TKC	2.45	9.4%	1,453	9.6	1.0
PVL	2.21	9.9%	475	42.8	4.0



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
